

KHẢ NĂNG LƯỢC BỎ GIỚI TỪ TRONG MỘT SỐ CẤU TRÚC TIẾNG VIỆT

VÚ VĂN THI

Khoa Tiếng Việt - DH Tổng hợp HN

Lí luận chung và giới từ đều cho rằng, giới từ là một hư từ, không có khả năng d lập bổ sung ý nghĩa cho bất kỳ một thành phần nào của câu, cũng không có khả năng làm thành tố phụ và là một yếu tố nằm ngoài đoàn ngữ chức năng của nó là thể hiện mối quan hệ cú pháp chính phụ giữa các thành phần, có giá trị như là một mắt xích, nối đầu mối liên kết mà thôi. Vì vậy nếu bỏ giới từ mối liên hệ cú pháp bị mất đi, cấu trúc sẽ bị phá vỡ (sai ngữ pháp) tức là không thể bỏ được giới từ trong cấu trúc, hoặc nếu được thì mối quan hệ cú pháp phải thay đổi.

Ví dụ: Nó hỏi về mẹ +

Nó hỏi mẹ +

Ở đây khi lược bỏ giới từ "về" thì bổ sung ngữ nội dung đã trở thành bổ ngữ c tượng.

Thế nhưng, trong tiếng Việt lại có hiện tượng mà một số nhà ngôn ngữ học gọi tính chất cơ động tức là khả năng lược bỏ giới từ trong cấu trúc mà vẫn giữ nguyên đ mối quan hệ cú pháp, cấu trúc không bị phá vỡ. Đây là một đặc điểm riêng biệt của g từ tiếng Việt và khảo sát nó sẽ có một ý nghĩa lớn trong việc tìm hiểu và giảng dạy tiế Việt.

Giới từ tiếng Việt có thể bỏ được trong các cấu trúc sau:

1. Cấu trúc định ngữ: Ví dụ: sách (của) thư viện, bàn (bằng) gỗ...
2. Cấu trúc câu có bổ ngữ: vay (của) bạn, tặng (cho) em....
3. Cấu trúc câu có trạng ngữ: (ở) trên ấy có ai không, (về) chuyến đi ấy tôi n nhất cái chuyện nhỏ này...

Thực chất đây là hai biến thể của cùng một cấu trúc ngữ nghĩa, biến thể kết h trực tiếp, có giới từ (sách thư viện) và biến thể kết hợp gián tiếp, có giới từ (sách t viện).

Đây là hai biến thể tương đương với nhau về sự biểu đạt, vì vậy, khi xét vấn đề cho thuận lợi hơn, trong việc phát hiện ra những điều kiện nào, đã dẫn tới hiện tượng

i, chúng tôi đã đứng trên phương diện cách kết hợp gián tiếp có quan hệ từ và biến thể a được coi là trường hợp lược bỏ quan hệ từ. Còn trong cách hiểu thì phải thấy rằng i là hai biến thể có giá trị như nhau biểu đạt cùng một ý nghĩa.

Khảo sát các trường hợp:

Để tìm ra những điều kiện, yếu tố chung dẫn đến hiện tượng này cần phải khảo sát cả 3 trường hợp: cấu trúc định ngữ, cấu trúc bổ ngữ, cấu trúc trạng ngữ.

1/ Khảo sát việc bỏ giới từ trong các cấu trúc định ngữ.

Hầu hết các cấu trúc định ngữ có giới từ đều có khả năng bỏ được giới từ trong cấu trúc: Như cấu trúc D_1-q-D_2

Ví dụ: Sách (của) thư viện Nhân dân (ở) nội thành
 Bàn (bằng) gỗ Mặt (như) trái xoan
 Đường lối (về) quân sự Sách (cho) thiếu nhi

Hay cấu trúc $D.q(C-V-B)$

Ví dụ: Người học sinh (mà) tôi gặp hôm qua học tại trường DHTH.

- Phái đoàn (do) đồng chí Hoàng dẫn đầu đã về dự hội nghị .

a/ Xét nhân tố ý nghĩa, thì hầu hết các giới từ chỉ bỏ được khi 2 thành phần D_1 và D_2 có mối quan hệ rõ ràng về ý nghĩa. Mỗi quan hệ này do mối quan hệ thực tiễn của các đối tượng do D_1 , D_2 biểu thị.

Ví dụ: Sách (của) thư viện + Bàn (bằng) gỗ +
 Sách thư viện + Bàn gỗ +

Vậy trước hết phải thấy rằng giới từ có thể ra khỏi cấu trúc là do mối tương quan ngữ nghĩa giữa hai thành phần. Vì thực chất biểu tượng chung của đối tượng bao giờ cũng tồn tại trong ngôn ngữ với tư cách là một cấu trúc ngữ nghĩa.

Giới từ tham gia vào cấu trúc để thể hiện mối quan hệ thực tiễn giữa các đối tượng và khu biệt các mối quan hệ thực tiễn như: mối quan hệ sở hữu, quan hệ chất liệu, quan hệ nội dung, quan hệ địa điểm, quan hệ so sánh... Khi rời bỏ cấu trúc và mối quan hệ cú pháp giữa các thành phần được giữ vững. Vậy ở đây cái gì đã đảm nhận chức năng của nó? Đó chính là nhân tố ý nghĩa, mối tương quan giữa ngữ nghĩa giữa hai thành phần.

b/ Bên cạnh điều kiện ngữ nghĩa, còn thấy một điều kiện khác nữa - đó là trật tự kết hợp:

Ví dụ: Sách (của) thư viện về khoa học kỹ thuật +

 Sách thư viện về khoa học kỹ thuật +

Khi ta đảo vị trí, đưa giới từ (của) ra khỏi trung tâm tách nó với trung tâm bằng một yếu tố nào đấy thì lại cần thiết phải có sự hiện diện của giới từ trong cấu trúc.

Ví dụ: Sách về khoa học kỹ thuật của" thư viện + (1)

 Sách về khoa học kỹ thuật - thư viện - (2)

Sở dĩ cấu trúc (2) không tồn tại được vì nó đứng xa trung tâm. Vậy ta thấy điều kiện vị trí kết hợp chỉ cho phép giới từ ra khỏi cấu trúc khi thành phần phụ phải đứng sát trung tâm theo kiểu $D_1 \leftarrow D_2$. Nhưng xét cho cùng, nhân tố vị trí kết hợp cũng chỉ là sự phản ánh một yêu cầu của mối tương quan ngữ nghĩa. Do vị trí của D_2 đứng xa trung tâm D_1 mối tương quan ngữ nghĩa trở lên lỏng lẻo hơn không đủ sức mạnh để đảm nhận việc thể hiện mối quan hệ cú pháp giữa D_1 và D_2 , nên giới từ chỉ bỏ được khi D_2 đứng kề sát D_1 .

c/ Khác với trường hợp thành phụ là một D, trường hợp thành phần phụ là một kết cấu C-V, việc bỏ giới từ có được tự do hơn - Có thể bỏ giới từ khi thành phần phụ không đứng sát trung tâm.

Ví dụ: Quyển sách mới mà anh đang cầm là quyển sách hay +

Quyển sách mới - anh đang cầm là quyển sách hay +

Có người cho rằng đây là sự tác động của nhân tố khối lượng, khi khối lượng thành phần phụ lớn nó có thể đứng xa trung tâm mà vẫn bỏ được giới từ, khi khối lượng thành phần phụ nhỏ, giới từ chỉ bỏ được khi đứng kề sát trung tâm.

Nhưng rõ ràng nhân tố khối lượng chỉ là một điều kiện có tính chất bề mặt, còn thực chất nhân tố khối lượng cũng chỉ là sự thể hiện một yêu cầu của mối tương quan ngữ nghĩa. Khi thành phần phụ là một kết cấu C-V thể hiện một đặc điểm nào đó của trung tâm, về mặt dung lượng ngữ nghĩa, bao giờ một kết cấu C-V cũng lớn hơn một I (kể cả khi D là đoạn ngữ có số lượng các yếu tố lớn hơn kết cấu C - V). Do dung lượng ngữ nghĩa nhỏ nên khi đứng xa trung tâm, D_2 bắt buộc phải có giới từ đi kèm, tức là không thể bỏ được giới từ. Dung lượng ngữ nghĩa của một C - V lớn hơn nên khi đứng xa trung tâm vẫn có thể bỏ được giới từ, vì dung lượng ngữ nghĩa lớn, mối tương quan ngữ nghĩa mạnh có thể thay thế vai trò của giới từ trong cấu trúc cả khi kết cấu C - V không đứng sát trung tâm.

2/ Khảo sát việc bỏ giới từ trong các cấu trúc có bổ ngữ:

Khảo sát việc có thể bỏ giới từ trong các cấu trúc câu có bổ ngữ, sẽ thấy hai trường hợp:

+ Trường hợp có sự thay đổi mối quan hệ cú pháp

+ Trường hợp không có sự thay đổi mối quan hệ cú pháp

Trường hợp bỏ giới từ có sự thay đổi mối quan hệ cú pháp sẽ không nằm trong phần khảo sát của chúng tôi, vì đó là điều tất nhiên trong mọi ngôn ngữ chứ không phải riêng trong tiếng Việt.

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ khảo sát những cấu trúc có bổ ngữ, có khả năng bỏ giới từ mà không có sự chuyển đổi mối quan hệ cú pháp.

Ví dụ: Vay (của) bạn

ăn (bằng) đũa

Tặng (cho) em

Tôi nói (rằng) anh ta sẽ không đến....

a/ Điều đầu tiên cần phải thấy rõ là trong các cấu trúc bổ ngữ, thành phần phụ (bổ ngữ) chịu sự chi phối rất mạnh bởi ý nghĩa khái quát của động từ, vì bổ ngữ là thành

nụ chuyên môn, chuyển phục vụ cho một vài loại động từ nhất định.

Chẳng hạn: nhóm bố ngữ chỉ kẻ bị tổn thất như: "Vay của bạn", chỉ chuyên phục vụ nhóm động từ có ý nghĩa thu nhận như vay, xin, lấy, nhận, mượn... Nhóm bố ngữ tiếp nhận "Tặng cho em" chỉ chuyên phục vụ cho nhóm động từ chỉ sự ban phát tặng, gửi, đưa, trao chuyển v.v...

Khi bỏ giới từ, mối quan hệ cú pháp vẫn không thay đổi.

Ví dụ: Vay của bạn + (1)

Vay bạn + (2)

Trước hết phải thấy rằng, do ý nghĩa khái quát của động từ "vay" là một động từ nghĩa thu nhận, vì vậy nó có khả năng dung nạp hai bố ngữ. Bố ngữ chỉ đối tượng in thất và bố ngữ chỉ cái được thu nhận về, theo kiểu "vay của bạn 5 đồng" - khi bỏ từ, "bạn" vẫn còn có ý nghĩa chỉ kẻ bị tổn thất, vì khi đi với động từ chỉ sự tiếp nhận, sự cách là một thành tố phụ chuyên môn của nó, nó chỉ có ý nghĩa là kẻ bị tổn thất thôi - mặt khác "bạn" chỉ một đối tượng cụ thể là người (danh từ chỉ người). Do vậy ý nghĩa khái quát của động từ đã quy định tính chất kẻ tổn thất của nó. Như vậy, cấu trúc này giữa động từ và bố ngữ có quan hệ chặt chẽ và rõ ràng về ý nghĩa. Tương quan ngữ nghĩa giữa hai thành phần này có cơ sở từ mối quan hệ thực tiễn tác động và đối tượng chịu tác động do từ biểu thị. Mối quan hệ thực tiễn này tạo từ có sự rõ ràng về quan hệ ngữ nghĩa tạo điều kiện cho mối tương quan ngữ nghĩa khả năng đảm nhận chức năng của giới từ.

b/ Khảo sát nhân tố vị trí kết hợp ở trong những cấu trúc này, tình hình cũng giống ở cấu trúc định ngữ danh từ, tức là chỉ bỏ được giới từ khi bố ngữ có giới từ đứng trung tâm theo kiểu C-V-q-B.

Ví dụ: Vay của bạn 5 đồng +

Vay bạn 5 đồng + - Bỏ được vì thành phần phụ đứng sát trung tâm.

Vay 5 đồng của bạn +

Vay 5 đồng bạn - Không bỏ được vì thành phần phụ không đứng sát trung tâm.

3/ Khảo sát việc bỏ giới từ trong các cấu trúc trạng ngữ.

Qua khảo sát cho thấy, giới từ chỉ có thể bỏ được trong loại trạng ngữ chỉ thời gian, điểm hay loại trạng ngữ nếu chủ đề phương tiện, với điều kiện khi cũng đứng đầu kiểu

q + D + C + V + B.

Ví dụ: (Cho) mãi đến cái lần học tập tình hình nhiệm vụ mới, lần ấy giá không có phần toàn đáng ủy phải phê bình, liên hệ, kiểm điểm thì chưa chắc Duyên đã dám vấn đề ao cá ra phê bình ông Luận.

(Cái lạt - Vũ Thị Thường)

- (Ồ) cái khu đệm này, dù có cát cổ chúng bọn Mỹ cũng không dám nhả ra

(Mầm sống - Triệu Bôn)

- (Về) phương diện tài chính, ông ấy cũng còn nhiều điều không rõ ràng lắm.

(Cái lạt - Vũ Thị Thường)

Loại trạng ngữ này khác với loại trạng ngữ khác như trạng ngữ chỉ nguyên nhân, chỉ mục đích... là nó không phải bổ sung ý nghĩa cho động từ mà tự thân nó tạo nên một thông báo phụ bổ sung ý nghĩa cho thông báo chính của câu. Đối với các trạng ngữ chỉ nguyên nhân, mục đích, điều kiện... tự thân thành phần phụ không có ý nghĩa đó mà chỉ có ý nghĩa nguyên nhân mục đích hay điều kiện khi nó được dạng thức hóa bằng giới từ chỉ ý nghĩa đó. Trái lại, ở các loại trạng ngữ địa điểm thời gian hay phương diện, thành phần phụ này tự thân thành phần phụ đã có ý nghĩa đó. Giới từ đứng đầu câu trong những trường hợp này có tính chất như khẳng định thêm ý nghĩa đó đồng thời nó còn có vai trò giữ mối liên hệ giữa thông báo phụ và nòng cốt. Do tự thân thành phần phụ D đã có ý nghĩa thời gian, địa điểm hay phương diện nên mối quan hệ ý nghĩa giữa thông báo phụ và thông báo nòng cốt đã rõ ràng, tạo điều kiện cho giới từ ra khỏi cấu trúc.

Giới từ là loại quan hệ từ thể hiện mối quan hệ cú pháp giữa thành phần chính và thành phần phụ, vậy nếu bỏ giới từ mà mối quan hệ cú pháp không thay đổi thì tất yếu phải có một nhân tố khác đảm nhận vai trò của nó. Qua khảo sát việc bỏ giới từ trên các kiểu cấu trúc, kết quả cho thấy rằng chính mối tương quan ngữ nghĩa đã đảm nhận vai trò đó. Cơ sở của mối tương quan ngữ nghĩa là mối quan hệ thực tiễn giữa các đối tượng, hoạt động, quá trình do từ biểu thị, nhân tố vị trí kết hợp, nhân tố khối lượng về thực chất cũng là những yêu cầu khác nhau của mối tương quan ngữ nghĩa đó.

Vì vậy, do yêu cầu của mối tương quan ngữ nghĩa nên giới từ chỉ bỏ được khi:

- 1/ Mối quan hệ về nghĩa giữa hai thành phần đã được xác định rõ ràng.
- 2/ Khi thành phần phụ là một D, thì chỉ bỏ được giới từ khi thành phần phụ đứng sát trung tâm.
- 3/ Khi thành phần phụ là một kết cấu C - V thì việc bỏ giới từ dễ dàng hơn, có thể bỏ giới từ khi kết cấu này đứng cách trung tâm một đơn vị.

Cơ sở của mối tương quan ngữ nghĩa, mối quan hệ về nghĩa giữa các thành phần là mối quan hệ thực tiễn giữa các đối tượng hoạt động, quá trình do từ biểu thị. Tư duy ngôn ngữ càng phát triển, khả năng trừu tượng hóa ngày càng cao, những đối tượng mới được phát hiện và sử dụng càng xa rời tính chất cụ thể, trực tiếp - (tính chất trừu tượng hóa ngày càng cao), do vậy mối quan hệ thực tiễn giữa chúng cũng trở nên trừu tượng hơn, khó xác định hơn, dẫn đến sự xuất hiện những yếu tố thể hiện mối quan hệ đó trong ngôn ngữ đó là quan hệ từ.

Vì vậy những câu trúc nào mà ý nghĩa của từ càng có tính chất cụ thể thì việc bỏ giới từ càng dễ dàng, trái lại ở những câu trúc nào mà ý nghĩa của từ càng trừu tượng thì việc bỏ giới từ càng trở nên khó khăn. Nói cách khác, ý nghĩa của từ càng có tính chất cụ thể thì mối tương quan ngữ nghĩa của từ càng mạnh vì mối quan hệ thực tiễn của chúng rõ ràng, trái lại ý nghĩa của từ càng trừu tượng thì mối tương quan ngữ nghĩa càng yếu vì mối quan hệ thực tiễn giữa chúng càng mờ và khó xác định. Vì vậy cần phải có quan hệ từ để thể hiện các mối quan hệ đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đác - Ăng Ghen - Lê Nin - bàn về ngôn ngữ - NXB Sự thật H. 1962.
- F. de Saussure - Giáo trình ngôn ngữ học đại cương - NXB Khoa học xã hội H. 1973
- Vu Xtêpan nốp - Những cơ sở của ngôn ngữ học đại cương NXB Đại học và trung học chuyên nghiệp H.1977
- V. G. Ga kơ: hiện tượng mất nghĩa của ký hiệu ngôn ngữ Bản dịch - NXB Khoa học xã hội H. 1965.
- Nguyễn Tài Cẩn - Từ loại danh từ tiếng Việt hiện đại - NXB - Khoa học xã hội H. 1975.
- Nguyễn Kim Thán - Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt - NXB Khoa học xã hội H. 1993.
- Nguyễn Văn Tu: Từ và vốn từ hiện đại, NXB Đại học và trung học chuyên nghiệp H. 1976.
- Nguyễn Lai: Nhóm từ chỉ hướng vận động trong tiếng Việt - Đại học Tổng hợp Hà Nội 1990.

THE POSSIBILITY OF USING PREPOSITIONS IN VIETNAMESE LANGUAGE

Vu Van Thi

Faculty of Vietnamese language-Hanoi University

This paper is about the possibility of using prepositions in Vietnamese language. For the prepositional phrases, Vietnamese language has two variants: one with preposition, the other without preposition. This paper has analysed some kinds of the prepositional structures such as: Noun phrase structures, complement structures and adverbial structures. From analyses, based on deep meaning structure, the author has given some persuaded explanations to this phenomenon which many Vietnamese researchers are concerned about.